TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 16-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minhg Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1989, tại N, Cà Mau; Đăng ký thường trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Nơi ở: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không có nội dung gì cần ghi nhận; Bị bắt, tạm giam ngày 11/5/2023 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Trần Quy A, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1975 và anh Trần Gia Phú Q, sinh năm 1999. Cùng nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Bà D và anh Q vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Bà Nhữ Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Hoàng M, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Lê Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Thanh D1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. (Có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc D2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4 năm 2022, Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1989, hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau đến làm thuê nuôi tôm thẻ cho ông Trần Quy A tại ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Cuối tháng 4 năm 2023, tôm của ông A đã đến kỳ thu hoạch nhưng thương lái mua giá rẻ, ông A không bán. Ngày 28/4/2023, bà Trần Thị Ngọc D (vợ ông A) bảo L sáng hôm sau dùng dụng cụ bắt tôm (12 cửa ngục) bắt khoảng 20kg tôm để Trần Gia Phú Q (con bà D và ông A) chở về nhà ở Khu phố D, thị trấn V cho bà D bán. Lợi dụng việc bắt tôm cho bà D bán và khi ao nuôi tôm không ai trông giữ, khoảng 02 giờ ngày 01/5/2023, bị cáo L lén lút dùng dụng cụ bắt tôm đặt xuống ao nuôi tôm số 1, một lúc sau L kéo lên để tôm vào bao thức ăn, dùng xe mô tô biển số 62D1-16087 chở tôm ra chợ B1, thị trấn V bán cho 03 người phụ nữ không biết tên địa chỉ với số lượng 20kg tôm bán với giá 100.000 đồng/kg, được số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo L đi về tiếp tục dùng dụng cụ bắt được 20kg tôm mang đến chợ B1 bán được 2.000.000đồng, sau đó bị cáo về bắt tôm mang ra chợ cho bà D bán.

Với những thủ đoạn tương tự như trên, từ ngày 02/5/2023 đến ngày 07/5/2023 bị cáo đã lén lút dùng dụng cụ bắt tôm ở ao số 1 của ông A mang ra chợ B1, thị trấn V bán cụ thể như sau: Ngày 02/5/2023 bắt trộm được 38kg tôm bán được 3.800.000 đồng; Ngày 03/5/2023 bắt trộm được 40kg tôm bán được 4.000.000 đồng; Ngày 04/5 2023 bắt trộm được 50kg tôm bán được 5.000.000 đồng; Ngày 05/5/2023 bắt trộm được 30kg tôm bán được 3.000.000 đồng; Ngày 06/5/2023 bắt trộm được 50kg tôm bán được 5.000.000 đồng; Ngày 07/5 2023 bắt trộm được 28kg tôm bán được 2.800.000 đồng.

Được người dân chợ B1, thị trấn V báo tin, ông A nghi vấn nên báo Công an xã V mời bị cáo L làm việc, tại Công an xã, bị cáo L đã thừa nhận từ ngày 01/5 đến ngày 07/5/2023 đã bắt trộn tôm của ông A tổng cộng 276kg và bán được tổng số tiền 27.600.000 đồng. Bị hại ông Trần Quy A thì cho rằng số lượng tôm bị bắt trộm khoảng 500kg do so sánh với lượng tôm ở các ao liền kề. Kết quả điều tra có cơ sở chứng minh bị cáo đã bắt trộm của ông A tổng số lượng 276kg tôm thẻ loại 34-38 con/kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐG ngày 11/05 2023, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận giá trị đối với tài sản bị thiệt hại:

40 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 01/5/2013 có giá là 7.020.000 đồng; 38 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 02/5/2013 có giá là 6.859.000 đồng; 40 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 03/5/2023 có giá là 7.300.000 đồng; 50 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 04/5/2023 có giá là 8.525.000 đồng; 30 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 05/5/2023 có giá là 5.415.000 đồng; 50 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 06/5/2023 có giá là 8.525.000 đồng; 28 kilogam tôm thẻ, còn sống (loại từ 34-38 con/kg) vào ngày 07/5/2023 có giá là 4.914.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại 48.558.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan chức năng thu giữ số tiền 16.490.000 đồng (gồm thu giữ trong người bị cáo 12.490.000 đồng, thu giữ 4.000.000 đồng bị cáo cho bạn gái Nguyễn Thị Ngọc D2 và mẹ bạn gái là bà Võ Thị C). Bị cáo nhờ bạn gái bán tài sản riêng của bị cáo là sợi dây chuyền để bồi thường cho bị hại thêm số tiền 18.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã giao cho ông Trần Quy A tổng số tiền 34.490.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo khai đã nhờ người lạ tại quán nước Tuấn D3 chuyển vào số tài khoản 67010001476705 của Nguyễn Ngọc T2 (em ruột của bị cáo) để cho mẹ ruột của bị cáo số tiền 11.000.000đồng nhưng kết quả điều tra xác minh tài khoản của Nguyễn Ngọc T2 không nhận được số tiền trên nên không thu hồi được. Đối với chiếc xe mô tô biển số 62D1-16087 bị cáo sử dụng chở tôm đi bán và dụng cụ bắt tôm là tài sản của bị hại và con của bị hại là anh Trần Gia Phú Q nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSVH ngày 27/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L từ 15 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2023. Đề nghị áp dụng điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng thiệt hại bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 48.558.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 34.490.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 14.068.000 đồng. Tuy nhiên, bị hại không yêu cầu bồi thường tiếp nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại thống nhất số tôm bị cáo đã bắt trộm theo kết quả điều tra là 276kg, thống nhất kết quả định giá tài sản bị trộm là 48.558.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 34.490.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 14.068.000 đồng. Tuy nhiên, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp do nhận thấy hoàn cảnh bị hại khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, đúng với nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo, đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 07/5/2023, tại ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An, bị cáo Nguyễn Vũ L đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Trần Quy A nhiều lần với hình thức bắt trộm tôm đi bán với tổng số lượng 276kg tôm thẻ (loại 34-38 con/kg) được tổng số tiền 27.600.000 đồng. Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐG ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giả tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện V, 276kg tôm bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 48.558.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

[3] Bị cáo Nguyễn Vũ L là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác có giá trị 48.558.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh nói trên là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn gây ra nhiều hệ lụy xấu cho cộng đồng dân cư nơi bị cáo sinh sống, gây tâm lý hoang mang, hoài nghi trong nội bộ nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc với loại tội phạm này nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và cũng để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Để có cơ sở tuyên mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cần phân tích đánh giá về nguyên nhân, động cơ phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[6] Về nguyên nhân, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội xuất phát từ lòng tham của bị cáo, muốn có tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân nhưng không muốn bỏ sức lao động chân chính của mình tạo ra thu nhập mà lại lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác mang đi bán để có tiền tiêu xài, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý vì bản thân biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật.

[7] Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do đã liên tục thực hiện hành vi trộm tôm của bị hại từ ngày 01/5 đến ngày 07/5/2023, giá trị tài sản mỗi lần lần trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Sau khi cân nhắc, xem xét toàn diện chứng cứ, các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là 500kg tôm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại đồng ý thiệt hại theo kết quả điều tra là 276kg tôm với số tiền bị thiệt hại theo kết quả định giá là 48.558.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền 34.490.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 14.068.000 đồng. Tuy nhiên, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp do nhận thấy hoàn cảnh bị hại khó khăn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[10] Đối với những người mua tôm: Nguyễn Thị L1, Lê Thị Thanh D1, Nguyễn Kim T1, Lê Thị Hoàng M, Lê Văn B, Nhữ Thị T, không biết tôm bị cáo bán là do bị cáo trộm cặp mà có nên đã mua, do đó không có cơ sở xem xét hành vi của của những người nói trên là hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[11] Đối với Nguyễn Thị Ngọc D2 (bạn gái của bị cáo), bà Võ Thị C mẹ của D2) được bị cáo tặng cho 4.000.000 đồng nhưng không biết số tiền trên bị cáo trộm tôm bán mà có và đã giao nộp lại số tiền này cho cơ quan chức năng nên không có cơ sở xem xét hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[12] Đối với số tiền 11.000.000đồng bị cáo khai đã nhờ người lạ tại quán nước Tuấn D3 chuyển vào số tài khoản 67010001476705 của Nguyễn Ngọc T2 (em ruột của bị cáo) để cho mẹ ruột của bị cáo. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh tài khoản của T2 không nhận được số tiền trên nên không thu hồi được và cũng không có cơ sở để xem xét trách nhiệm của em và mẹ bị cáo.

[13] Về vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2023.

3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Vũ L 45 (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án (16/8/2023) để bảo đảm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Công an huyện Vĩnh Hưnng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh